TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 193/2026/HNGĐ-ST Ngày 14-9-2026 V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Nhạn

Bà Trương Thị An

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Gấm - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Đặng Gia Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 2 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 439/2026/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2026 về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 185/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Ngọc H, sinh ngày 06/02/1996; căn cước công dân số 031196005921; đăng ký thường trú: Thôn H, xã A, thành phố Hải Phòng; chỗ ơ: Thôn Đ, xã A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Lương Xuân H1, sinh ngày 20/3/1992; căn cước công dân số 031092019029; nơi cư trú: Thôn H, xã A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt và có ý kiến xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/7/2026 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị Ngọc H trình bày:

Chị Bùi Thị Ngọc H và anh Lương Xuân H1 kết hôn tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng vào ngày 27/3/2013.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng nhau tại thôn H, xã A, thành phố Hải Phòng. Lúc đầu chung sống tình cảm vợ chồng bình thường. Đến năm 2023 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong mọi lĩnh vực, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng, đánh cãi nhau. Gia đình đã hòa giải nhưng không có kết quả. Chị H1 bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Đ, xã A, thành phố Hải Phòng từ năm 2023. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Lương Xuân H1.

Về con chung: Chị H1 và anh H1 có 02 con chung là Lương Bùi Minh P, sinh ngày 15/12/2013 và Lương Xuân M, sinh ngày 03/02/2016. Chị H1 đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Lương Bùi Minh P; anh H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Lương Xuân M. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Bùi Thị Ngọc H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Lương Xuân H1 trình bày:

Anh H1 xây dựng gia đình với chị Bùi Thị Ngọc H trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng vào ngày 27/3/2013.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng nhau tại nhà bố mẹ đẻ anh H tại thôn H, xã A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống hai bên phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong mọi lĩnh vực, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến cuộc sống chung luôn căng thẳng. Vợ chồng mâu thuẫn, chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở và sống ly thân với anh H từ năm 2023. Vợ chồng ly thân nhau từ đó đến nay, không quan tâm đến nhau.

Đến nay, chị H có đơn xin ly hôn, anh H đồng ý. Đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Lương Bùi Minh P, sinh ngày 15/12/2013 và Lương Xuân M, sinh ngày 03/02/2016. Từ khi anh chị ly thân đến nay, cháu P ở với chị H, cháu M ở với anh H. Do đó đề nghị Tòa án giao cháu P cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu M cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Hai bên không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh H còn trình bày: Do anh bận công việc nên anh đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt anh.

* Kiểm sát viên tham gia phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định về trình tự thủ tục tố tụng tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ các Điều 51; 56; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Bùi Thị Ngọc H được ly hôn anh Lương Xuân H1; về con chung: Giao con Lương Bùi Minh P, sinh ngày 15/12/2013 cho chị Bùi Thị Ngọc H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con Lương Xuân M, sinh ngày 03/02/2016 cho anh Lương Xuân H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về chia tài sản chung: Chị H1 và anh H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét; Về án phí: Chị H1 phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về tố tụng: Theo tài liệu có trong hồ sơ thể hiện bị đơn anh Lương Xuân H1 có địa chỉ: Thôn H, xã A, thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án khởi kiện xin ly hôn giữa chị Bùi Thị Ngọc H và anh Lương Xuân H1 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Bùi Thị Ngọc H và anh Lương Xuân H1 vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Bùi Thị Ngọc H và anh Lương Xuân H1.

[3] Về hôn nhân: Chị Bùi Thị Ngọc H và anh Lương Xuân H1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện A, thành phố

Hải Phòng (nay là ủy ban nhân dân xã A, thành phố Hải Phòng) vào ngày 27/3/2013, tuân thủ đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp.

[4] Quá trình giải quyết vụ án, chị H1 và anh H1 đều trình bày vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, không tìm được tiếng nói chung, hiện vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi. Chị H1 xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hòa giải được nên hai bên cùng đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H1 và anh H1 trên thực tế không còn tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được, bởi vậy yêu cầu của chị H1 được xin được ly hôn với anh H1 là hoàn toàn chính đáng, phù hợp với thực tế, phù hợp với quy định tại các Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về con chung: Chị H1 và anh H1 cùng xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Lương Bùi Minh P, sinh ngày 15/12/2013 và Lương Xuân M, sinh ngày 03/02/2016. Nếu ly hôn, chị H1 nhận nuôi cháu P, anh H1 nuôi cháu M.

Xét, từ khi ly thân đến nay, cháu P ở với chị H1, cháu M ở với anh H1. Mặt khác, cháu P có đơn đề nghị được ở với chị H1, cháu M có đơn đề nghị được ở anh H1. Xét thấy, nguyện vọng các bên đương sự là hoàn toàn chính đáng phù hợp với nguyện vọng con chung, phù hợp với thực tế theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về chia tài sản chung: Chị H1 và anh H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét việc phân chia tài sản chung giữa hai bên.

[7] Về án phí: Chị H1 phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chị Bùi Thị Ngọc H được ly hôn với anh Lương Xuân H1.

- Về nuôi con chung: Giao con Lương Bùi Minh P, sinh ngày 15/12/2013 cho chị Bùi Thị Ngọc H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con Lương Xuân M, sinh ngày 03/02/2016 cho anh Lương Xuân H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị Bùi Thị Ngọc H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Chị H đã nộp đủ số tiền trên theo Biên lai thu tiền số 0000712 ngày 21 tháng 7 năm 2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng

- Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị Ngọc H và anh Lương Xuân H1 được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

- *Về quyền yêu cầu thi hành án:* Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8 và 36 Luật thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 2 - Hải Phòng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 2 - Hải Phòng;
- UBND xã An Lão (ĐKKH số 021/2013);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Tuấn Anh